

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: **05/2020/HS-ST**

Ngày 09-6-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Trần Thị Bích Ân**

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

+ Ông **Nguyễn Đức Huỳnh;**

+ Ông **Võ Văn Đoàn;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Anh Liêm;** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Hà;** Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đinh Văn B;** Sinh ngày 29/7/1989; Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh QN; Chỗ ở: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh QN; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hrê; Tôn giáo: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Con ông Đinh Văn E (chết) và bà Đinh Thị N; Bị cáo chưa có vợ con.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Ngô Thị Diễm; Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- **Người phiên dịch:** Ông Lê Minh Xây; Công tác tại: Hội cựu chiến binh xã Sông Trà, huyện Hiệp Đức. Có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Huỳnh Văn T; Sinh năm 1975; Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Q.
Có mặt.

+ Anh Trần Văn T; Sinh năm 1985. Vắng mặt.

+ Anh Trần Vũ H; Sinh năm 1991. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn L; Sinh năm 1982. Có mặt

+ Anh Huỳnh Viêt M Sinh năm 1976. Vắng mặt.

+ Anh Phạm T; Sinh năm 1977. Có mặt

+ Anh Nguyễn Văn D; Sinh năm 1967. Vắng mặt.

+ Anh Đặng Văn B; Sinh năm 1972. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn A; Sinh năm 1973. Vắng mặt.

+ Anh Lê D; Sinh năm 1974. Vắng mặt.

+ Anh Lê H; Sinh năm 1977. Vắng mặt

+ Anh Nguyễn Văn L; Sinh năm 1974; Vắng mặt.

+ Anh Lê Văn H; Sinh năm 1987. Có mặt

+ Anh Phạm X; Sinh năm 1973. Vắng mặt.

+ Anh Đặng Đức Tr; Sinh năm 1983. Có mặt

+ Ông Đặng Văn T; Sinh năm 1958. Có mặt

Cùng trú tại: Thôn M, xã Q, huyện H, tỉnh Q;

+ Anh Võ Văn P; Sinh năm 1970. Vắng mặt.

+ Chị Trần Thị G; Sinh năm 1966. Có mặt

Cùng trú tại: Khối phố A, thị trấn T (thị trấn T cũ), huyện H, tỉnh Q;

- **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Q. Do ông Vũ Văn T; Chức vụ: Chủ tịch đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Võ Thị Thu H; Sinh năm 1969. Vắng mặt.

+ Anh Trần Ngọc T; Sinh năm 1956. Vắng mặt.

+ Anh Đặng Văn S; Sinh năm 1956. Vắng mặt.

- + Anh Nguyễn T; Sinh năm 1954. Vắng mặt.
- + Anh Nguyễn Văn V; Sinh năm 1956. Vắng mặt.
- + Anh Âu Ngọc V; Sinh năm 1956. Vắng mặt.
- + Anh Nguyễn K; Sinh năm 1956. Vắng mặt.
- + Anh Lê Ch; Sinh năm 1948. Vắng mặt.
- + Anh Phan N; Sinh năm 1970. Vắng mặt.
- + Anh Huỳnh Đ; Sinh năm 1942. Vắng mặt.
- + Bà Trần Thị Q; Sinh năm 1947. Vắng mặt.
- + Ông Phan H; Sinh năm 1952. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn M, xã Q, huyện H, tỉnh Q;

- Người làm chứng:

- + Anh Đinh Minh H; Sinh năm 2002. Vắng mặt.
- + Anh Đinh Văn H1; Sinh năm 1982. Vắng mặt.
- + Anh Đinh Văn Tr; Sinh năm 1996. Vắng mặt.
- + Anh Đinh Văn Tr1; Sinh năm 1991. Vắng mặt.
- + Anh Đinh Văn H2; Sinh năm 1997. Vắng mặt.
- + Anh Đinh Văn Đ; Sinh năm 1999. Vắng mặt.
- + Anh Đinh P; Sinh năm 1970. Vắng mặt.
- + Chị Đinh Thị N; Sinh năm 1979. Vắng mặt.
- + Chị Đinh Thị X; Sinh năm 1977. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh QN.

- + Anh Đinh Văn T; Sinh năm 1975. Vắng mặt.
- + Anh Đinh Văn L; Sinh năm 1980. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh QN;

+ Anh Đinh Văn T1; Sinh năm 2000; Trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh QN.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 13 giờ 30, ngày 10/7/ 2019, Đinh Văn H, Đinh Văn B, Đinh Văn Tr, Đinh Văn Tr1, Đinh Văn T và Đinh Văn H đang khai thác keo cho ông Huỳnh Văn Th tại Khoảnh 3, 6, 7 Tiểu khu 497, thôn Mỹ Thạnh, xã Quế Thọ, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam. Huỳnh sử dụng cưa máy để cưa cây. Tr, T và H dùng rựa phát nhánh keo. Tr1 và B bóc vỏ keo. Đến 14 giờ nghỉ ngơi, Đinh Văn B thấy có nhiều dây leo, bụi rậm cản trở việc khai thác keo nên nảy sinh ý định dùng lửa đốt để thuận tiện cho việc khai thác.

Ngồi nghỉ ngơi được một lát, B thấy H đang ngồi nói chuyện với mọi người và để bật lửa trên gói thuốc bên cạnh mình. B lấy bật lửa đi lên một đoạn cách mọi người khoảng 01 đến 02 mét thì thấy có một đồng lá keo khô. B dùng tay bật lửa lên đốt. Lúc này, trời nắng nóng, gió mạnh làm ngọn lửa bùng phát nhanh lan rộng đến các khu vực khác. B, H, Tr, Tr1, T và H cùng nhau dập lửa, nhưng vì ngọn lửa bùng phát quá lớn, lan rộng nên không dập lửa được dẫn đến vụ cháy rừng.

Ngày 12/7/2019, Hạt kiểm lâm Phước Sơn - Hiệp Đức khám nghiệm hiện trường vụ cháy rừng: Tổng diện tích rừng bị đốt cháy thiệt hại: 102,5832 ha tại Khoảnh 3, 6, 7 Tiểu khu 497 thuộc thôn Mỹ Thạnh, xã Quế Thọ, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam. Trong đó: Diện tích lau lách, cây bụi bị đốt cháy thiệt hại là: 30,8374 ha; diện tích rừng sản xuất trồng cây Keo và cây Sao đen bị đốt cháy thiệt hại là: 71,7458 ha.

Tại kết luận định giá số 15/KL - HDDG trong Tổ tụng Hình sự huyện Hiệp Đức ngày 20/8/2019 về cây Keo bị thiệt hại số tiền: 2.567. 597. 678 đồng trong đó bao gồm:

1. Diện tích trồng cây Keo tại tượng của ông Trần Văn T bị cháy: 0,6651 ha, trữ lượng cây keo $53,075 \text{ m}^3$, thiệt hại: 19.361.753 đồng.
2. Diện tích trồng cây Keo tại tượng của ông Trần Vũ H bị cháy: 2,9770 ha, trữ lượng cây keo $353,171 \text{ m}^3$, thiệt hại: 128.836.939 đồng.
3. Diện tích trồng cây Keo tại tượng của ông Nguyễn Văn L bị cháy: 1,4410 ha, trữ lượng cây: $174,217 \text{ m}^3$, thiệt hại: 63.554.325 đồng.
4. Diện tích trồng cây Keo tại tượng của ông Phạm X: Mảnh 1: bị cháy: 1,8740 ha, trữ lượng cây $232,938 \text{ m}^3$, thiệt hại: 84.975.855 đồng; Mảnh 2: 0,0507 ha, trữ lượng cây $4,142 \text{ m}^3$, thiệt hại: 1.511.071 đồng.

5. Diện tích trồng cây Keo tai tượng của ông Đặng Đức Tr bị cháy thiệt hại tổng cộng: 7,1061 ha, gồm 02 mảnh:

- Mảnh 1: Diện tích đốt cháy: 0,9721 ha, trữ lượng cây: 64,742 m³ thiệt hại: 23.617.831 đồng.

- Mảnh 2: Diện tích đốt cháy: 6,1340 ha, trữ lượng cây: 737,511 m³, thiệt hại: 269.044.110 đồng.

6. Diện tích trồng cây Keo tai tượng của ông Nguyễn Văn A bị cháy: 1,8170 ha, trữ lượng cây 220,220 m³, thiệt hại: 80.336.402 đồng.

7. Diện tích trồng cây Keo tai tượng của ông Lê D bị cháy: 4,5830 ha, trữ lượng cây: 556,010 m³ thiệt hại: 202.832. 287 đồng.

8. Diện tích trồng cây Keo tai tượng của ông Đặng Văn Th bị cháy thiệt hại tổng cộng: 1,9194 ha, gồm 02 mảnh:

- Mảnh 1: Diện tích cháy: 0,6994 ha, trữ lượng cây: 83,229 m³ thiệt hại: 30.361.793 đồng.

- Mảnh 2: Diện tích cháy: 1,2200 ha, trữ lượng cây: 88,328 m³ thiệt hại: 32.222.054 đồng.

9. Diện tích trồng cây Keo tai tượng của ông Võ Văn Ph bị cháy thiệt hại tổng cộng: 2,8156 ha, trữ lượng 366,568 m³ thiệt hại: 133.724. 101 đồng.

10. Diện tích trồng cây Keo tai tượng của ông Lê H bị cháy: 4,0450 ha, trữ lượng cây 488,434 m³, thiệt hại: 178.180.632 đồng.

11. Diện tích trồng cây Keo tai tượng của ông Nguyễn Văn L bị cháy: 5,4630 ha, trữ lượng cây: 313,248 m³ thiệt hại: 114.273.024 đồng.

12. Diện tích trồng cây Keo tai tượng của ông Lê Văn H bị cháy thiệt hại: 3,6170 ha, trữ lượng cây 209,907 m³, thiệt hại: 76.573.916 đồng

13. Diện tích trồng cây Keo tai tượng và sao đen của Ban quản lý Dự án 661 từ ngân sách Nhà nước bị cháy của nhóm hộ dân nhận chăm sóc cây gồm: Trâm Thị G, Trần Thị H; Trần Hữu Huân: 25,8380 ha, trữ lượng cây 2.285.301, thiệt hại: 833.677.622 đồng.

14. Diện tích trồng cây Keo tai tượng của ông Huỳnh Viết M và ông Phạm T bị cháy: 1,5620 ha, trữ lượng cây: 92,783 m³, thiệt hại: 33.847.165 đồng.

15. Diện tích trồng cây Keo tai tượng của ông Nguyễn Văn D bị cháy: 0,0567 ha, trữ lượng 2,846 m³, thiệt hại: 1.038.345 đồng.

16. Diện tích trồng cây Keo tai tượng của ông Đặng Văn B bị cháy: 5,6320 ha, trữ lượng 674.488 m³, thiệt hại: 246.053.113 đồng

17. Diện tích trồng cây Keo tai tượng của ông Huỳnh Văn Th bị cháy: 0,2832 ha, trữ lượng cây 37,212 m³, thiệt hại: 12.575.113 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện Hiệp Đức.

- Vật chứng vụ án:

+ 01 bật lửa (diêm ga) dài khoảng 09 cm, không nhãn hiệu, màu xanh, trên đầu quẹt có chữ Ha Pho Co.

+ 01 bao thuốc lá loại DoNa, bên trong còn lại 01 điếu thuốc đầu lọc, bao thuốc màu xanh đậm và đen.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Ủy ban nhân dân xã Q có đơn yêu cầu bị cáo B bồi thường thiệt hại: 883.677.622 đồng.

+ Anh Trần Văn T yêu cầu Đinh Văn B bồi thường thiệt hại số tiền: 19.361.753 đồng, bị cáo B đã bồi thường 500.000 đồng.

+ Anh Trần Vũ H yêu cầu Đinh Văn B bồi thường thiệt hại số tiền: 128.836.939 đồng, bị cáo B đã bồi thường 500.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Văn L thiệt hại số tiền: 63.554.325 đồng, anh Lành yêu cầu Đinh Văn B bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

+ Anh Huỳnh Viết M và anh Phạm T thiệt hại số tiền 33.847.165 đồng, yêu cầu Đinh Văn B bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Văn D yêu cầu Đinh Văn B bồi thường số tiền: 1.038.345 đồng, bị cáo B đã bồi thường xong.

+ Anh Đặng Văn B yêu cầu Đinh Văn B bồi thường thiệt hại số tiền: 246.053.339 đồng, bị cáo B đã bồi thường 500.000 đồng.

+ Anh Huỳnh Văn Th, Nguyễn Văn A, Lê D, Lê H có đơn không yêu cầu bị cáo B bồi thường thiệt hại.

+ Anh Võ Văn Ph yêu cầu Đinh Văn B bồi thường thiệt hại số tiền: 133.724.101 đồng, bị cáo B đã bồi thường 500.000 đồng.

+ Anh Phạm X yêu cầu Đinh Văn B bồi thường thiệt hại số tiền: 84.486.926 đồng, bị cáo B đã bồi thường thiệt hại số tiền 500.000 đồng.

+ Anh Đặng Đức Tr thiệt hại số tiền 292.661.941 đồng, anh Tr yêu cầu bị cáo B bồi thường số tiền 20.000.000 đồng.

+ Ông Đặng Văn Th thiệt hại số tiền 62.583.847 đồng, ông Th yêu cầu bị cáo B đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

+ Anh Lê Văn H yêu cầu bị cáo B bồi thường số tiền 50.000.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Văn L yêu cầu Đinh Văn B bồi thường thiệt hại: 114.273.024 đồng, bị cáo B đã bồi thường thiệt hại số tiền 500.000 đồng

Tại bản Cáo trạng số 04/CT - VKS ngày 24/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Đinh Văn B về tội: “Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy” theo Điểm c Khoản 3, Điều 313 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm c Khoản 3, Điều 313 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo **Đinh Văn B** tù với mức án từ 5 năm đến 6 năm tù. Về vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 bật lửa (diêm ga) dài khoảng 09 cm; 01 bao thuốc lá loại DONA; Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015 buộc Đinh Văn B tiếp tục bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Những người tham gia tố tụng khác không có nội dung trình bày khác so với các lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với nội dung truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét hành vi phạm tội của bị cáo là do lỗi vô ý, mục đích đốt là để dễ dàng cho việc khai thác Keo. Do vậy, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 13 giờ 30, ngày 10/7/ 2019, Đinh Văn H, Đinh Văn B, Đinh Văn Tr, Đinh Văn Tr1, Đinh Văn T và Đinh Văn H1 đang khai thác keo cho anh Huỳnh Văn Th tại Khoảnh 3, 6, 7 Tiểu khu 497 thuộc thôn Mỹ Thạnh, xã Q, huyện H, tỉnh Q.

Đến 14 giờ thì nghỉ ngơi, Đinh Văn B thấy có nhiều dây leo, bụi rậm cản trở việc khai thác keo. B lấy bật lửa đốt một đồng lá keo khô. Lúc này, trời nắng nóng, gió mạnh làm ngọn lửa bùng phát nhanh lan rộng đến các khu vực khác. B, H, Tr, Tr1, T, H1 cùng nhau dập lửa, nhưng vì ngọn lửa bùng phát quá lớn, lan rộng nên không dập lửa được dẫn đến vụ cháy rừng.

Tổng diện tích rừng bị đốt cháy thiệt hại 102,5832 ha tại Khoảnh 3, 6, 7 Tiểu khu 497, thôn Mỹ Thạnh, xã Quế Thọ, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam. Trong đó: Diện tích lau lách, cây bụi bị đốt cháy thiệt hại là 30,8374 ha. Diện tích rừng trồng cây Keo và cây Sao đen chức năng sản xuất bị đốt cháy thiệt hại là 71,7458 ha.

Tại kết luận định giá số: 15/KL - HĐĐG trong Tố tụng Hình sự huyện Hiệp Đức ngày 20/8/2019 đã xác định giá trị cây Sao đen và Keo bị thiệt hại có giá trị: 2.567.597.678 đồng (*Hai tỷ, năm trăm sáu bảy triệu, năm trăm chín bảy nghìn, sáu trăm bảy mươi tám đồng*).

Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy” quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 313 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo Đinh Văn B thì thấy: Rừng có vai trò to lớn đối với cuộc sống con người, ngoài chức năng bảo vệ môi trường sinh thái, điều hòa khí hậu, cung cấp các sản vật quý phục vụ cho cuộc sống con người thì rừng còn là tư liệu sản xuất quan trọng. Do đó, việc bảo vệ và phát triển rừng không chỉ là nghĩa vụ của mỗi công dân mà là của toàn xã hội. Trong vụ án này, chỉ vì hành vi bất cẩn, thiếu suy nghĩ mà bị cáo đã gây cháy một diện tích rừng rất lớn. Hành vi này không chỉ vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ rừng, mà còn gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của nhiều hộ dân, làm ảnh hưởng đến đời sống lao động, sản xuất của nhân dân. Vì vậy Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc và áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt; Sau khi phạm tội, bị cáo đã có hành động ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm (ngay sau khi bị cháy rừng bị cáo đã trực tiếp cùng với nhân dân và chính quyền địa phương tham gia dập tắt đám cháy). Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại. Bị cáo là người dân tộc thiểu số nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Một số người bị hại có đơn bãi nại và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Gia đình bị cáo có công cách mạng và thuộc diện hộ nghèo; Bị cáo là lao động chính nuôi mẹ đã già. Với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ một phần hình phạt và áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 313 BLHS, hành vi của bị cáo Đinh Văn B có thể bị áp dụng hình phạt tiền nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất bồi thường thiệt hại về tài sản do bị cáo gây ra cho những người bị thiệt hại. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên bị cáo chưa có đủ điều kiện để bồi thường cho những người bị thiệt hại nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo. HĐXX nhận thấy việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường của bị cáo như sau:

- Bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H số tiền 883.677.622 đồng.

- Bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền 19.361.753 đồng, bị cáo B đã bồi thường 500.000 đồng, còn lại bị cáo tiếp tục bồi thường 18.861.753 đồng.
- Bồi thường cho anh Trần Vũ H số tiền 128.836.939 đồng, bị cáo B đã bồi thường 500.000 đồng, còn lại bị cáo tiếp tục bồi thường 128.336.939 đồng.
- Bồi thường cho anh Nguyễn Văn L số tiền 10.000.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Huỳnh Việt M và anh Phạm T số tiền: 20.000.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Đặng Văn B số tiền 246.053.339 đồng, bị cáo B đã bồi thường 500.000 đồng, còn lại bị cáo tiếp tục bồi thường 245.553.339 đồng.
- Bồi thường cho anh Võ Văn Ph số tiền 133.724.101 đồng, bị cáo B đã bồi thường 500.000 đồng, còn lại bị cáo tiếp tục bồi thường 133.224.101 đồng.
- Bồi thường cho anh Phạm X số tiền 86.486.926 đồng, bị cáo B đã bồi thường 500.000 đồng, còn lại bị cáo tiếp tục bồi thường 85.986.926 đồng.
- Bồi thường cho anh Đặng Đức Tr số tiền 20.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Đặng Văn Th số tiền 10.000.000 đồng
- Bồi thường cho anh Lê Văn H số tiền 50.000.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Nguyễn Văn L số tiền 114.273.024 đồng, bị cáo B đã bồi thường 500.000 đồng, còn lại bị cáo tiếp tục bồi thường 113.773.024 đồng.
- Đối với anh Huỳnh Văn Th, anh Nguyễn Văn A, anh Lê D, anh Lê H có đơn không yêu cầu B bồi thường thiệt hại nên HĐXX không giải quyết.

Đối với chị Trầm Thị G, chị Trần Thị H, anh Trần Hữu H là những hộ nhận khoán trồng rừng theo dự án 661 bị thiệt hại tài sản trị giá 833.677.622 đồng, tài sản này hiện vẫn đang thuộc sở hữu của Nhà nước giao cho UBND xã Q quản lý. Do vậy, các hộ dân này có quyền yêu cầu UBND xã Q bồi hoàn lại tương ứng với số tiền được hưởng theo hợp đồng giao khoán sau khi bị cáo thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho UBND xã Quế Thọ.

[5] Về vật chứng vụ án:

- + Đối với 01 bật lửa (diêm ga) dài khoảng 09cm là phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.
- + Đối với 01 bao thuốc lá loại DONA không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên HĐXX miễn án phí dân sự cho bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều c Khoản 3, Điều 313; Điều b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn B phạm tội “ Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy”

Xử phạt bị cáo Đinh Văn B **5** (năm) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt đi thi hành án.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự, tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) cái bật lửa (loại quẹt ga) dài 9 cm, không nhãn hiệu, màu xanh, trên đầu quẹt có chữ HAPHO.CO.

+ 01(Một) bao thuốc lá loại DONA, bên trong còn lại 01 điều thuốc đầu lọc, bao thuốc màu xanh và màu đen.

(Vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/02/2020 giữa Công an huyện Hiệp Đức và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015 buộc Đinh Văn B tiếp tục bồi thường thiệt hại cho những người bị thiệt hại:

- Bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H số tiền 883.677.622 đồng.
- Bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền 18.861.753 đồng.
- Bồi thường cho anh Trần Vũ H số tiền 128.336.939 đồng.
- Bồi thường cho anh Nguyễn Văn L số tiền 10.000.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Huỳnh Viết M và anh Phạm T số tiền 20.000.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Đặng Văn B số tiền 245.553.339 đồng.
- Bồi thường cho anh Võ Văn Ph số tiền 133.224.101 đồng.
- Bồi thường cho anh Phạm X số tiền 85.986.926 đồng.

- Bồi thường cho anh Đặng Đức Tr số tiền 20.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Đặng Văn Th số tiền 10.000.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Lê Văn H số tiền 50.000.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Nguyễn Văn L số tiền 113.773.024 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đến khi người phải thi hành án thi hành án xong, hằng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đinh Văn B phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí DSST cho bị cáo Đinh Văn B.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (ngày 09/6/2020). Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Hiệp Đức;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Hiệp Đức;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Đức;
- Sở tư pháp, PV27;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Ân